TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 01 - 2025
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Hoàng Nam
2. Ông Phạm Văn Rỡ

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Mỹ Nhan - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 128/2024/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024 về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 454/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024; giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Phương A, sinh năm: 1990; địa chỉ: ấp T, xã B, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Anh Đặng Văn C, sinh năm: 1984; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa nguyên đơn chị Lê Thị Phương A trình bày: Chị và anh C tự tìm hiểu quen biết và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Giồng Riềng chứng nhận kết hôn. Chị và anh C chung sống với nhau được khoảng 05 tháng nhưng quá trình sống chung giữa chị và anh C thường xuyên xảy ra bất hòa, thường xuyên cải nhau gây ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình, khi chị mang thai được 03 tháng thì anh C bỏ đi cho đến nay. Nay xét thấy, giữa chị và anh C không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh C.

Về con chung, chị Phương A xác định có một con chung tên Đặng Phú Nghĩa, sinh ngày 29/11/2020. Hiện con đang sống với chị, chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung không yêu cầu anh C cấp dưỡng. Về tài sản và nợ chung, chị xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đặng Văn C không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến của anh đối với các yêu cầu khởi kiện của chị Phương A và không có đơn yêu cầu phản tố.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn được thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phương A và anh C tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Hòa, huyện Giồng Riềng chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của chị Phương A, anh C được xem là hợp pháp. Chị Phương A cho rằng giữa chị và anh C chỉ chung sống được 05 tháng và ly thân nhau cho đến nay vì quá trình chung sống thường xuyên bất hòa, cự cải lớn tiếng, từ đó hạnh phúc gia đình không còn. Kể từ khi khởi kiện đến nay anh C cũng không có liên hệ chị Phương A để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nên xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của chị Phương A và anh C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được nên chị Phương A yêu cầu ly hôn anh C là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị Phương A được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị Phương A xác định chị và anh C có một con chung tên Đặng Phú Nghĩa, sinh ngày 29/11/2020. Hiện nay cháu Nghĩa sống với chị Phương A và ở nhà ông bà ngoại. Anh C không có văn bản thể hiện ý kiến gì về con chung nên hiện tại cháu Nghĩa đang sống cùng chị Phương A, cháu vẫn phát triển bình thường và anh C cũng không cung cấp chứng cứ nào để cho rằng việc chị Phương A nuôi con không tốt. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử giao cháu Đặng Phú Nghĩa, sinh ngày 29/11/2020 cho chị Phương A trực tiếp nuôi dưỡng, chị Phương A không yêu cầu anh C cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Chị Phương A không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh C cũng không có yêu cầu chia tài sản và nợ chung nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Buộc chị Phương A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Phương A khởi kiện anh Đặng Văn C yêu cầu ly hôn, được nuôi con chung nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, quyền nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và anh C với tư cách là bị đơn trong vụ kiện, có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Chị Phương A với tư cách là nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Anh C với tư cách là bị đơn trong vụ kiện. Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp về việc kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa

giải, Quyết định đưa vụ án ra xét và quyết định hoãn phiên Tòa trực tiếp cho anh C nhưng không thực hiện được do anh không có mặt tại nhà vì đi làm ở xa. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng trên theo quy định của pháp luật và thông qua số điện thoại cá nhân của anh C chị Phương A đã truyền tải thông tin vụ kiện cũng như yêu cầu của chị cho anh C biết, để anh C có ý kiến phản hồi nhưng anh C không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến và vắng mặt qua các lần công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên Tòa xét xử không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng căn cứ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị Phương A và anh C.

[2] Về nội dung vụ kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phương A và anh C tự tìm hiểu quen biết trước và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Theo sự xác định của chị Phương A, giữa chị và anh C mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không còn tồn tại từ năm 2020 cho đến nay. Riêng anh C không có ý kiến và cũng không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Phương A, mặc dù anh C đã biết rõ thông tin của vụ việc. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự: "*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"*. Nhưng anh C không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến, không tham gia tố tụng tại Tòa án nên xem như anh C đã mặc nhiên thừa nhận. Vì vậy, chị Phương A yêu cầu được ly hôn với anh C là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Phương A được ly hôn với anh C.

[2.2] Về con chung: Chị Phương A xác định chị và anh C có một con chung tên Đặng Phú Nghĩa, sinh ngày 29/11/2020. Hiện nay con đang sống với chị Phương A tại nhà cha mẹ ruột của chị. Đối với con chung, chị Phương A yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh C cấp dưỡng. Đối với ý kiến trên của chị Phương A đã được Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng thông báo cho anh C biết để có ý kiến đối với yêu cầu của chị Phương A nhưng anh C không có ý kiến phản đối gì về con chung. Mặc khác, tại giấy khai sinh của cháu Nghĩa thể hiện chị Phương A, anh C là cha mẹ nên xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xử giao cháu Đặng Phú Nghĩa, sinh ngày 29/11/2020 cho chị Phương A trực tiếp nuôi dưỡng, anh C không cấp dưỡng nuôi con do chị Phương A không yêu cầu. Anh C được quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung không ai có quyền cản trở.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Chị Phương A, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; Án phí ly hôn sơ thẩm

chị Phương A phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị Phương A đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005840 ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị Phương A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 - điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 - 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị Phương A được ly hôn với anh Đặng Văn C.

2. Về con chung: Xử giao con chung Đặng Phú Nghĩa, sinh ngày 29/11/2020 cho chị Lê Thị Phương A trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đặng Văn C không cấp dưỡng nuôi con do chị Phương A không yêu cầu. Anh C được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Không xem xét do không yêu cầu.

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) buộc chị Lê Thị Phương A phải chịu nhưng khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị Phương A đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005840 ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị Phương A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 (mười lăm) ngày được tính kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan THA huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

Nguyễn Thị Cẩm Hương